

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14/02/2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo

2. Ông Lê Hoàng Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kiều N - Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 218/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14/10/2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. (*Chị N1 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. (*Anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Hoàng Thị N1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn A, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau một thời gian chung sống, vợ

chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Nguyên nhân do tình tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị N1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N1 yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T theo quy định pháp luật. Về con chung: Chị N1 và anh T không có con chung nên chị không yêu cầu toà án giải quyết. Về tài sản và vay nợ chung: Chị N1 xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thanh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, do đó các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện: Chị N1, anh T đều có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L theo quy định pháp luật. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận thời gian đầu, tuy nhiên sau đó, chị N1 và anh T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng không quan tâm, chia sẻ được với nhau, bất đồng về quan điểm, lối sống. Chị N1 chăm chỉ, chịu khó làm ăn, thu vén gia đình còn anh T không chịu làm ăn, lao động, hay uống rượu chè nên về chửi mắng vợ nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ, to tiếng với nhau, cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Chị N1 hiện nay đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T hiện sống một mình, vợ chồng hiện đã sống ly thân. Về con chung: Chị N1 và anh T không có con chung. Về tài sản và vay nợ chung: Chị N1 và anh T không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị N1 đã thực hiện đúng quy định của pháp quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T chưa chấp hành đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N1 về việc xin ly hôn anh Nguyễn Thanh T. Về con chung: Chị N1 và anh T không có con chung nên Toà án không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị N1 và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị N1 phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật; anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị N1 và anh Nguyễn Thanh T có nơi cư trú tại thôn A, xã L, thành phố T, Tòa án thụ lý vụ án và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N1 và anh Nguyễn Thanh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang theo quy định pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N1 và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị N1 và anh T sinh sống tại thôn A, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống, chị N1 xác nhận vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng cãi cọ, to tiếng, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, chị N1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh Nguyễn Thanh T không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày về ý kiến của mình.

Qua xác minh với chính quyền địa phương nơi chị N1 và anh T sinh sống thể hiện chị N1 và anh T có mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng không quan tâm, chia sẻ được với nhau, bất đồng về quan điểm, lối sống. Chị N1 chăm chỉ, chịu khó làm ăn, thu vén gia đình còn anh T không chịu làm ăn, lao động, hay uống rượu chè nên về chửi mắng vợ nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ, to tiếng với nhau. Chị N1 hiện nay đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T hiện sống một mình, vợ chồng hiện đã sống ly thân. Về con chung: Chị N1 và anh T không có con chung. Về tài sản và vay nợ chung: Chị N1 và anh T không có.

Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của chị N1, anh T thấy rằng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Xét tình trạng hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn của chị N1 là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N1 xử cho chị N1 được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị N1 và anh Nguyễn Thanh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Hoàng Thị N1 và anh Nguyễn Thanh T không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28; 35; 39; 147; 266; 235; 238; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N1 về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N1 được ly hôn anh Nguyễn Thanh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 10/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị N1 phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000152 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị N1 đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Thanh T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N1 và anh Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Hà

